TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/DS-ST
Ngày: 29/10/2017
V*ề việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thành;

2. Ông Phạm Xuân Đính.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Hạnh- Cán bộ tòa án nhân dân huyện Chơn Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên toà: Ông Trương Văn Sa – kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/TB-TLVA ngày 28/5/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐXX-ST ngày 01/10/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 60/2018/QĐST-HPT ngày 16/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Minh Th, sinh năm: 1956, địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Thanh H, sinh năm: 1980, địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp B, xã Q, huyện Ch, tỉnh Bình Phước.(Vắng mặt)

2.2. Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1989, địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp B, xã Q, huyện Ch, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị C, sinh năm: 1959, địa chỉ cư trú: Tổ 02, X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/5/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ông Bùi Minh Th trình bày:

Do quen biết nhau nên vào năm 2017, Ông Bùi Minh Th cho vợ chồng Ông Trần Thanh H, Bà Phạm Thị L vay số tiền 210.000.000đồng, Ông H có làm biên nhận tiền ngày 31/10/2017, hẹn mỗi tháng trả 15.000.000đồng trong 2 tháng, đến tháng thứ 3 sẽ trả đủ hết số tiền còn lại, thời gian trả bắt đầu từ ngày 31/10/2017. Khi vay hai bên không có thỏa thuận lãi, Ông H, Bà L cũng không trả tiền lãi cho Ông

Th. Tuy nhiên sau đó Ông H, Bà L chỉ trả cho Ông Th được 30.000.000đồng, còn nợ lại số tiền 180.000.000đồng. Đến tháng 2 năm 2018 Ông Th yêu cầu Ông H, Bà L trả hết số tiền còn nợ thì Ông H viết giấy hẹn đến ngày 10/3/2018 sẽ trả nhưng đến ngày 10/3/2018 Ông H, Bà L cũng không trả tiền nên ngày 30/3/2018 Ông Th có mời ấp trưởng ấp B , xã Qu là ông Đào Văn K cùng đến nhà Ông H để chứng kiến việc Ông Th đến đòi nợ. Ông H đã tự viết "*Giấy cam kết trả nợ (lần cuối*)" có ấp trưởng ông Đào Văn K ký tên người làm chứng, trong đó Ông H, Bà L hứa đến ngày 30/4/2018 sẽ trả hết số tiền 180.000.000 đồng cho Ông Th nhưng đến hạn vợ chồng Ông H, Bà L chỉ trả được 40.000.000 đồng, còn lại 140.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả cho Ông Th. Số tiền Ông Th cho vợ chồng Ông Trần Thanh H, Bà Phạm Thị L vay là tài sản chung của vợ chồng Th và vợ là Đào Thị C . Nay vợ chồng Ông H, Bà L không trả số nợ 140.000.000 đồng còn lại nên Ông Th khởi kiện yêu cầu Ông H, Bà L phải trả một lần dứt điểm số nợ 140.000.000 đồng, đồng thời Ông Th yêu cầu Ông H, Bà L phải trả tiền lãi chậm trả theo lãi suất 0,75%/tháng kể từ ngày 30/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án - bị đơn Ông Trần Thanh H trình bày:

Ông H đồng ý trả số nợ gốc 140.000.000 đồng mà Ông Th yêu cầu nhưng Ông H chỉ trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi trả hết nợ. Đối với yêu cầu trả tiền lãi của Ông Th, Ông H không đồng ý vì hiện đang khó khăn, không có điều kiện trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Phạm Thị L trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Đào Thị C trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Bà C là vợ của Ông Bùi Minh Th, Bà C không có họ hàng gì với vợ chồng Ông Trần Thanh H. Khi Ông Bùi Minh Th cho vợ chồng Ông Trần Thanh H vay tiền, Bà C biết do Ông Th nói lại, số tiền 140.000.000 đồng Ông Th cho vợ chồng Hải, Lệ vay là tài sản chung của vợ chồng Bà C, Ông Th đứng ra giao dịch cho vợ chồng Ông H vay. Nay Ông Bùi Minh Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng Ông Trần Thanh H, Bà Phạm Thị L phải trả số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,75%/tháng kể từ 30/4/2018 đến khi giải quyết xong vụ án, Bà C thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ông Th đề nghị Tòa án nhanh chóng giải quyết vụ án. Do bận công việc nên Bà C xin được giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp chứng cứ, tài liệu nào khác.

Bị đơn Ông H, Bà L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm

ở những nội dung sau: Tuân thủ đúng quy định pháp luật về nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, sự có mặt của các thành viên HĐXX và thư ký phiên tòa là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 184 BLTTDS năm 2015; Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ Luật dân sự năm 2015. Buộc Ông Trần Thanh H, bà Phạm Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông Bùi Minh Th số tiền 140.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi theo mức lãi theo quy định của Ngân hàng nha nước Việt Nam. Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án đề nghị tuyên buộc các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát và thông qua thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông Bùi Minh Th khởi kiện yêu cầu Ông Trần Thanh H, Bà Phạm Thị L phải trả số tiền vay gốc 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi theo lãi suất 0,75%/tháng kể từ ngày 30/4/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại các điều 463 của Bộ Luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1. 2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Ông Trần Thanh H, Bà Phạm Thị L có nơi cư trú và hiện đang sinh sống tại ấp B , xã Qu , huyện Ch do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Chơn Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]Về thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo giấy biên nhận ghi ngày 31/10/2017 tính đến ngày nguyên đơn khởi kiện là ngày 21/5/2018 nên đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 159 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 154 của Bộ luật dân sự.

[1.4] Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn Ông Trần Thanh H, Bà Phạm Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt do đó HĐXX vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định tại điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Bùi Minh Th, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]Về yêu cầu trả nợ gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Ông Trần Thanh H thừa nhận có nợ của ông Bùi Minh Thẩm số tiền 140.000.000 đồng (*Biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2018*), đồng bị đơn bà Bà Phạm Thị L (vợ Ông H) không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ông Th nhưng căn cứ vào "*giấy cam kết trả nợ lần cuối*" đề ngày 30/3/2018 do nguyên đơn cung cấp và được người làm chứng đồng thời là ấp trưởng ấp B , xã Qu ông Đào Văn K xác nhận nội dung "*giấy cam kết trả nợ lần cuối*" đề ngày 30/3/2018 là do Ông Trần Thanh H tự viết xác nhận nợ với Ông Th, có Bà Phạm Thị L (vợ Ông H) ký xác nhận phía

bên người vay. Như vậy, có cơ sở xác định Bà L cũng thống nhất số nợ này cùng với Ông H. Do đến hạn trả nợ ngày 30/4/2018 và cho đến nay thì Ông H, Bà L vẫn không thực hiện trả nợ cho Ông Th. Do đó, yêu cầu của Ông Th buộc Ông H, Bà L cùng trả số nợ gốc 140.000.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.2]*Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn cho rằng khi cho vay hai bên không thỏa thuận tiền lãi nhưng do bị đơn chậm trả nên nay yêu cầu tính lãi theo lãi suất cơ bản của ngân hàng Nhà nước quy định là 0,75%/tháng kể từ thời điểm hứa trả là ngày 30/4/2018 đến khi xét xử sơ thẩm. Bị đơn Ông H không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng đang khó khăn nên không có điều kiện trả tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: "*biên nhận ngày 31/10/2017*", "*giấy cam kết ngày 14/02/2018*" và "*giấy cam kết trả nợ lần cuối đề ngày 30/3/2018*" thì thể hiện hợp đồng vay tài sản (tiền) của hai bên là có thật, đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không thỏa thuận lãi theo quy định tại điều 470 Bộ Luật dân sự năm 2015 và do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán, nên cần áp dụng khoản 4 điều 466 bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi theo mức lãi là 10%/năm, tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi 9%/năm (tương ứng 0,75%/tháng) thấp hơn mức lãi theo quy định của pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên được chấp nhận.

Cụ thể, số tiền lãi được chấp nhận như sau: Thời gian trả lãi tính từ thời điểm hẹn trả nợ là ngày 30/4/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 29/10/2018) là 06 tháng 29 ngày x 140.000.000 đ x 0,75% = 7.315.000 đồng

[2.3]*Về phương thức trả nợ*: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Ông Trần Thanh H yêu cầu trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi trả hết số nợ 140.000.000đồng vì hiện đang khó khăn, không có điều kiện trả. Nhưng phía nguyên đơn Ông Bùi Minh Th không đồng ý vì lý do bị đơn Ông H hẹn rất nhiều lần và không có thiện chí trả nợ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bị đơn Ông H mà cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Ông H, Bà L có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ số tiền nợ gốc 140.000.000đồng và tiền lãi cho Ông Th, Bà C với phương thức trả làm một lần.

Như vậy, tổng số tiền Ông Trần Thanh H, Bà Phạm Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông Bùi Minh Th, Bà Đào Thị C là 147.315.000 đồng (trong đó có 140.000.000 đồng nợ gốc + 7.315.000 đồng tiền lãi).

[2.4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn Ông H, Bà L phải chịu án phí theo mức án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho Ông Th, Bà C là 147.315.000đồng x 5% = 7.365.750 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ Luật dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 21/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Bùi Minh Th

Buộc Ông Trần Thanh H, Bà Phạm Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông Bùi Minh Th, Bà Đào Thị C số tiền 140.000.000 đồng nợ gốc và 7.315.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 147.315.000 đồng (*Một trăm bốn mươi bayỷ triệu ba trăm mười lăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thanh H, Bà Phạm Thị L phải chịu 7.365.750 đồng. Trả lại cho Ông Bùi Minh Th số tiền 3.55544.625 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009410 ngày 28/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh – VKSND tỉnh;*
- *VKSND huyện Chơn Thành;*
- *Cơ quan THADS huyện Chơn Thành;*
- *UBND xã Minh Thắng,huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS+VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hà